

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 70 /2022/HS-ST
Ngày: 08 - 6 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH QUẢNG NINH**

T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Loan.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà Nguyễn Thị Hiền

2- Bà Bùi Thị Nguyệt

Thư ký phiên tòa: ông Vũ Xuân Chiêm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần Quang Thắng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Đại T** (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 02/11/1984, tại T phố C, tỉnh Quảng Ninh. Nơi thường trú: tổ 6, khu Trung Sơn 1, phường CS, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: V Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Bùi Văn Phả (đã chết) và bà Bùi Thị Vy; vợ, con: chưa có; tiền án: ngày 5/3/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 16 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 21/9/2019 chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: không; bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: ông Nguyễn Thế V - sinh năm 1973 và bà Mai Thị Th sinh năm 1972 (nơi thường trú: xóm 1, thôn 5, xã CH, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh), có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Liêu Văn B – sinh năm 1970 (nơi thường trú: xóm 4, thôn Cầu Trắng, xã Cộng H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh), vắng mặt, có đơn xin xử án vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Phạm Văn K - sinh năm 1960 (nơi thường trú: xóm 1, thôn 5, xã CH, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh), có mặt tại phiên tòa.

- Anh Hà Văn T1 - sinh năm 1993 (nơi thường trú: thôn ĐN, xã ĐN, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh), vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Khổng Văn Th1 - sinh năm 1985 (nơi thường trú: xóm 1, thôn 5, xã CH, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh), vắng mặt tại phiên tòa.
- Ông Vũ Đình L - sinh năm 1968 (nơi thường trú: tổ 91, khu Đồn Điền, phường Hà Khẩu, T phố H, tỉnh Quảng Ninh), vắng mặt tại phiên tòa.
- Anh Nguyễn Phi H - sinh năm 2003 (nơi thường trú: xóm 1, thôn 5, xã CH, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh), vắng mặt tại phiên tòa.
- Chị Trịnh Thị H1 - sinh năm 1993 (nơi thường trú: xóm 1, thôn 5, xã CH, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh), vắng mặt tại phiên tòa.
- Anh Nguyễn Văn H2 - sinh năm 1982 (nơi thường trú: xóm 1, thôn 5, xã CH, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh), vắng mặt tại phiên tòa.
- Ông Phạm Thanh B – sinh năm 1966 (nơi thường trú: xóm 1, thôn 5, xã CH, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh), vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: năm 2013 gia đình ông Nguyễn Văn Giáo (có con là ông Nguyễn Thế V) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 614m² tại nơi cư trú xóm 1, thôn 5, xã CH, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Đến ngày 21/5/2019, gia đình ông Giáo được xác nhận đã tôn tạo, lấn biển và Ủy ban nhân dân thành phố C cấp thêm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 319m² đất nữa, nên tổng diện tích đất gia đình ông Giáo được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là 1005m² đất. Ngày 18/11/2019 vợ chồng ông Nguyễn Văn Giáo và bà Nguyễn Thị Tĩnh đã chuyển nhượng hết cho con trai và con dâu là Nguyễn Thế V và Mai Thị Th toàn bộ diện tích đất trên. ông Phạm Văn K và ông Nguyễn Thế V cùng cư trú tại xóm 1, thôn 5, xã CH, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Nhà ông K có lối đi riêng vào nhà, nhưng để thuận lợi công việc thường đi đường tắt qua khu đất trên của gia đình ông V. Năm 2019 để bảo vệ khu đất và ngăn cản gia đình ông K đổ bê tông làm đường trên diện tích đất mà ông V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông V xây 01 bờ tường nổi tiếp vào bờ tường đã xây cũ, làm 01 cổng rào bằng kim loại mạ kẽm và lưới B40.

Tháng 2/2021, ông Phạm Văn K có đơn kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân xã CH về việc: từ năm 2013 – 2018 gia đình ông K đã đổ đất để làm đường đi lại tại diện tích đất gia đình ông V được cấp thêm sau này (Tại thời điểm ông K đổ đất làm đường, gia đình ông V chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đó). Ủy ban nhân dân xã CH đã tiến hành hòa giải giữa hai bên nhưng không thành. Ủy ban nhân dân thành phố C đã có công văn trả lời về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông V là đúng quy định của pháp luật.

Khoảng 09 giờ ngày 23/8/2021 ông K nhờ ông Vũ Đình L hỏi thuê anh Hà Văn T1 lái máy xúc với giá 2.000.000 đồng, san gạt đóng đất đá xuống hố trên khu đất tranh chấp mà ông V đã đào lên trước đó để xe chở vật liệu của gia đình ông K đi lại. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, ông K cùng ăn với Bùi Đại T và ba người đàn ông tên T1 (chưa rõ lai lịch) tại bè của ông K thuộc xóm 1, thôn 5, xã CH, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Do buổi chiều bận công việc nên ông K đã đưa số điện thoại của người lái máy xúc là anh T1 và tiền cho Bùi Đại T (là

người làm bè nuôi trồng thủy sản với ông K) để T liên lạc và trả tiền công cho anh T1. Khi máy xúc đến, mặc dù biết rõ khu đất đang tranh chấp đã được ông V làm tường rào và cổng B vệ, nhưng T chỉ đạo dùng gầu máy xúc để phá, nhấc cổng ra, rồi đi san lấp hố đất, sau đó phá bức đoạn tường mới xây của gia đình ông V gây hư hỏng cổng và bức tường. Sau khi sự việc xảy ra T đã nhiều lần đến xin lỗi và mong được bồi thường nhưng ông V không đồng ý. Bùi Đại T khai ông K không bảo T phá tường và cổng, mà T tự ý chỉ đạo máy xúc phá. T cũng không nói với anh Hà Văn T1 biết bức tường và cổng là của gia đình ông Nguyễn Thế V.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 74/KL-ĐG ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C, kết luận: tổng giá trị tài sản thiệt hại là 2,483.275 đồng.

Vật chứng vụ án: cơ quan điều tra đã trả 01 xe máy xúc nhãn hiệu DOSAN DX 140W bánh lốp cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Liêu Văn B.

Những người làm chứng như ông Phạm Văn K, anh Hà Văn T1, anh Không Văn Th1, ông Vũ Đình L, anh Nguyễn Phi H, chị Trịnh Thị H1, anh Nguyễn Văn H2 và anh Phạm Thanh B cùng bị hại là ông Nguyễn Thế V, bà Mai Thị Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Liêu Văn B có lời khai phù hợp với nội dung vụ án. Trước khi đưa vụ án ra xét xử bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và ông V và bà Th và không có yêu cầu bồi thường gì khác, về trách nhiệm hình sự đề nghị xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Ông Liêu Văn B đã nhận lại xe và không có đề nghị gì.

Bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản 74/KL-ĐG ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C.

Bản Cáo trạng số 70/CT - VKSCP ngày 21/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố Bùi Đại T về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 178 , điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bùi Đại T từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an T phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với nội dung vụ án, lời khai của bị hại, những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án như: sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản số 74/KL-ĐG ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C... thấy phù hợp với nhau về không gian, thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc và tài sản đã bị hư hỏng, thể hiện: khoảng 15 giờ 23/8/2021, tại xóm 1, thôn 5, xã CH, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Bùi Đại T có hành vi chỉ đạo máy xúc phá 01 bờ tường xây bằng gạch, đá và 01 cổng bằng kim loại mạ kẽm cùng lưới B40 của gia đình ông Nguyễn Thế V, gây thiệt hại tài sản trị giá 2.483.275 đồng (Hai triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn, hai trăm bảy mươi lăm đồng). Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự, như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 178 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện tu dưỡng bản thân, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, do đó thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo thật nghiêm, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường cho bị hại, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: cơ quan điều tra đã trả 01 xe máy xúc nhãn hiệu DOSAN DX 140W bánh lốp cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Liêu Văn B, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã bồi thường cho bị hại và bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với anh Hà Văn T1 lái máy xúc theo chỉ đạo của Bùi Đại T nhưng không biết tài sản làm hư hỏng là của ông V cũng như ông Phạm Văn K không chỉ đạo T làm hư hỏng tài sản nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 178; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: bị cáo Bùi Đại T phạm tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt: bị cáo Bùi Đại T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

Buộc Bùi Đại T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND tp. C;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tp. C;
- Cơ quan THAHS Công an tp. C;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS tp. C
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Loan